

BỘ CÔNG THƯƠNG**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06/2014/TT-BCT

Hà Nội, ngày 11 tháng 02 năm 2014

THÔNG TƯ**Quy định việc nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan năm 2014
với thuế suất thuế nhập khẩu 0% đối với hàng hóa có xuất xứ
từ Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào**

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Thực hiện Bản Thỏa thuận giữa Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân (CHDCND) Lào về các mặt hàng được áp dụng ưu đãi thuế suất thuế nhập khẩu Việt - Lào ký ngày 01 tháng 12 năm 2011;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Xuất nhập khẩu,

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định việc nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan năm 2014 với thuế suất thuế nhập khẩu 0% đối với hàng hóa có xuất xứ từ CHDCND Lào.

Điều 1. Danh mục hàng hóa và lượng hạn ngạch thuế quan (HNTQ) nhập khẩu năm 2014

Áp dụng hạn ngạch thuế quan nhập khẩu năm 2014 đối với hai nhóm mặt hàng có xuất xứ từ CHDCND Lào gồm: thóc và gạo các loại, lá và cọng thuốc lá với thuế suất thuế nhập khẩu bằng 0% (không phần trăm). Mã số hàng hóa và tổng lượng hạn ngạch thuế quan của các nhóm mặt hàng được hưởng ưu đãi thuế suất thuế nhập khẩu bằng 0% theo Phụ lục số 01 kèm theo Thông tư này.

Điều 2. Điều kiện được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu trong hạn ngạch thuế quan 0%

1. Hàng hóa nhập khẩu phải có Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa mẫu S (C/O form S) do cơ quan thẩm quyền của CHDCND Lào cấp theo quy định và được thông quan qua các cặp cửa khẩu nêu tại Phụ lục số 02 kèm theo Thông tư này. Thủ tục nhập khẩu hàng hóa giải quyết tại hải quan cửa khẩu nơi làm thủ tục nhập khẩu hàng hóa theo nguyên tắc trừ lùi tự động (tổng lượng hàng nhập khẩu được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu 0% trừ đi số lượng đã nhập khẩu của từng mặt hàng).

2. Thương nhân Việt Nam được nhập khẩu các mặt hàng thóc và gạo các loại theo hạn ngạch thuế quan.

Đối với mặt hàng lá và cọng thuốc lá, chỉ những thương nhân Việt Nam có giấy phép nhập khẩu thuốc lá nguyên liệu theo hạn ngạch thuế quan do Bộ Công Thương cấp theo quy định tại Thông tư số 04/2006/TT-BTM ngày 06 tháng 4 năm 2006 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) hướng dẫn một số nội dung quy định tại Nghị định số 12/2006/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài và Thông tư số 33/2013/TT-BCT ngày 18 tháng 12 năm 2013 quy định việc nhập khẩu thuốc lá nguyên liệu theo hạn ngạch thuế quan năm 2014 mới được phép nhập khẩu. Số lượng nhập khẩu tính trừ vào hạn ngạch thuế quan nhập khẩu theo giấy phép do Bộ Công Thương cấp.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11 tháng 02 năm 2014 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2014./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trần Tuấn Anh

Phụ lục số 01**MÃ SỐ HÀNG HÓA VÀ TỔNG LƯỢNG HẠN NGẠCH THUẾ QUAN
NHẬP KHẨU TỪ CHDCND LÀO NĂM 2014***(Kèm theo Thông tư số 06/2014/TT-BCT ngày 11 tháng 02 năm 2014
của Bộ Công Thương)*

| Tên hàng | Mã số hàng hóa | Tổng lượng hạn ngạch năm 2014 | Ghi chú |
|--|--|--------------------------------------|------------------------------------|
| I. Thóc và gạo các loại | 1006.10.90 1006.30.30 1006.30.99 | 70.000 tấn quy gạo | Tỷ lệ quy đổi: 2 thóc = 1,2 gạo |
| II. Lá và cọng thuốc lá | | | |
| Lá thuốc lá chưa tước cọng, loại Virginia đã sấy bằng không khí nóng | 2401.10.10 | 3.000 tấn | |
| Lá thuốc lá chưa tước cọng, loại Virginia chưa sấy bằng không khí nóng | 2401.10.20 | | |
| Lá thuốc lá chưa tước cọng, loại Burley | 2401.10.40 | | |
| Lá thuốc lá chưa tước cọng, loại khác, được sấy bằng không khí nóng | 2401.10.50 | | |
| Lá thuốc lá chưa tước cọng, loại khác | 2401.10.90 | | |
| Lá thuốc lá đã tước cọng một phần hoặc toàn bộ, loại Virginia đã sấy bằng không khí nóng | 2401.20.10 | | |
| Lá thuốc lá đã tước cọng một phần hoặc toàn bộ, loại Burley | 2401.20.40 | | |
| Cọng lá thuốc lá | 2401.30.10 | | |

Phụ lục số 02**DANH SÁCH CÁC CẶP CỬA KHẨU***(Kèm theo Thông tư số 06/2014/TT-BCT**ngày 11 tháng 02 năm 2014 của Bộ Công Thương)*

| TT | Phía Việt Nam | Phía Lào |
|-----------|------------------------|--------------------------|
| 1 | Na Mèo (Thanh Hóa) | Nậm Xôi (Hủa Phăn) |
| 2 | Nậm Cắn (Nghệ An) | Nậm Cắn (Xiêng Khoảng) |
| 3 | Cầu Treo (Hà Tĩnh) | Nậm Phao (Bolikhamxay) |
| 4 | Cha Lo (Quảng Bình) | Na Phầu (Khăm Muồn) |
| 5 | Lao Bào (Quảng Trị) | Đen Sa vẳn (Savannakhet) |
| 6 | Tây Trang (Điện Biên) | Sốp Hùn (Phong Salỳ) |
| 7 | Chiềng Khương (Sơn La) | Bản Đán (Hủa Phăn) |
| 8 | Lóng Sập (Sơn La) | Pa Háng (Hủa Phăn) |
| 9 | La Lay (Quảng Trị) | La Lay (Salavăn) |
| 10 | Bờ Y (Kon Tum) | Phu Ca (Attapư) |
| 11 | Tén Tản (Thanh Hóa) | Sôm Vẳn (Hủa Phăn) |
| 12 | Thanh Thủy (Nghệ An) | Nậm On (Bolikhamxay) |